

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2026/DS-PT

Ngày 04-3-2026

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và Hợp đồng góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tôn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hữu Nghi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 01, ngày 04 tháng 02 và ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 911/2025/TLPT-DS ngày 17/12/2025, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn D1, sinh năm 1963; (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2022)

Địa chỉ: Khu phố A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Á, Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Á, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Khu phố H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim A: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963; (theo Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022)

Địa chỉ: số E, đường C, khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Phan Văn D1, bà Nguyễn Thị Á và bà Tạ Kim T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị D, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn D1 trình bày:

Bà D và bà Nguyễn Thị Kim A có mối quan hệ quen biết. Bà Kim A làm tổ vay vốn cho phụ nữ xã T nên có nhiều lần vay tiền của bà D để đáo hạn Ngân hàng cho các chị em trong tổ vay vốn, bà tin tưởng cho bà Kim A vay tiền nhiều lần. Trong thời gian đầu thì bà Kim A trả nợ rất tốt nên kể từ ngày 04/02/2021 đến ngày 18/4/2021 bà cho bà Kim A vay tiền nhiều lần tổng số tiền 2.115.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 04/02/2021 số tiền 50.000.000 đồng,
- Ngày 11/02/2021 cộng dồn thành số tiền 675.000.000 đồng,
- Ngày 12/02/2021 số tiền 150.000.000 đồng,
- Ngày 13/02/2021 số tiền 50.000.000 đồng,
- Ngày 15/02/2021 số tiền 60.000.000 đồng,
- Ngày 01/3/2021 số tiền 50.000.000 đồng,
- Ngày 07/3/2021 số tiền 350.000.000 đồng,
- Ngày 11/3/2021 số tiền 50.000.000 đồng,
- Ngày 18/3/2021 số tiền 200.000.000 đồng,
- Ngày 24/3/2021 số tiền 270.000.000 đồng,
- Ngày 26/3/2021 số tiền 60.000.000 đồng,
- Ngày 27/3/2021 số tiền 50.000.000 đồng,
- Ngày 18/4/2021 số tiền 100.000.000 đồng,

Việc giao nhận tiền không làm biên nhận mà bà D làm 02 sổ, bà D và bà Kim A mỗi người giữ 01 sổ. Để thu hồi lại vốn, bà D nhiều lần liên hệ gặp bà Kim A yêu cầu trả tiền nhưng bà Kim A hứa hẹn nhiều lần và năn nỉ bà D để bà thu hồi tiền nợ vay của hội viên sẽ trả cho bà D.

Ngoài ra, bà Kim A còn tham gia 02 dây hụi do bà D làm chủ hụi 5.000.000 đồng/tháng khai cùng ngày 06/10/2020 (tức 20/8/2020 âm lịch). Ngày 03/3/2021, bà Kim A đã hót 02 phần hụi của dây hụi thứ nhất được số

tiền 186.000.000 đồng (sau khi trừ huê hồng). Ngày 01/4/2021, bà Kim A hốt 01 phần hụi của dây hụi thứ hai với số tiền 94.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà Kim A không góp lại hụi chết, còn nợ lại số tiền 300.000.000 đồng.

Sau nhiều lần đến nhà bà Kim A đòi nợ nhưng không gặp được bà Kim A. Đến ngày 11 và 12/5/2021, bà D dùng điện thoại liên hệ với bà Kim A và ghi âm lại toàn bộ nội dung cuộc gọi. Qua đó bà Kim A có thừa nhận còn nợ bà D với số tiền 2.300.000.000 đồng nhưng xin trả nhiều lần và hứa con của bà là T1 cho bà trả 300.000.000 đồng trả lần đầu, sau mỗi năm trả 100.000.000 đồng tức 20 năm sau mới trả xong nợ nên bà D không đồng ý. Từ đó đến nay bà Kim A không mở cửa mỗi khi bà D đến nhà và chặn điện thoại bà D không liên hệ được nên bà D không thu hồi được số tiền nào từ bà Kim A.

Số tiền bà Kim A còn nợ bà D là 2.415.000.000 đồng nhưng do tổng kết nợ với bà Kim A trong cuộc điện thoại có ghi âm số tiền 2.300.000.000 đồng là chưa đúng với số tiền bà Kim A còn nợ.

Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải có nghĩa vụ trả cho bà Danh số tiền nợ vay 2.115.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2022 là 459.116.500 đồng, tiền nợ hụi chết là 300.000.000 đồng.

- Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Kim A, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Tạ Kim T trình bày:

Từ trước đến giờ bà Kim A chỉ có 03 lần vay tiền của bà Danh số tiền là 250.000.000 đồng, lãi suất 12%/tháng để đáo hạn ngân hàng cho các chị em, mỗi lần bà D cho bà Kim A vay tiền thì bà D đều yêu cầu bà Kim A viết biên nhận nợ. Do bà Kim A mất yếu chữ kém nên các lần vay tiền đều do con của bà Kim A là Phan Thị Như Ý viết giùm. Ngoài ra, bà Kim A không còn vay tiền lần nào khác mà không viết biên nhận nợ cho bà D.

Đến khoảng năm 2020, bà Kim A bị bệnh (ung thư) và làm ăn thua lỗ nên không thể tiếp tục đóng lãi và không có khả năng trả lại tiền vốn cho bà D. Bà D đã tự ý sửa các biên nhận bà Kim A viết khi vay tiền, nâng khống số tiền trong biên nhận lên gấp nhiều lần, thậm chí bà D còn viết khống thêm vào biên nhận vay vàng của bà để đòi nợ tiền và nợ vàng như các biên nhận đã sửa, vì vậy bà Kim A không đồng ý.

Cụ thể các biên nhận bà D đã sửa như sau:

Biên nhận ngày 07/9/2019 (âm lịch) bà vay bà D: 150.000.000 đồng, bà D viết thêm vào biên nhận bà mượn của bà D 40 chỉ vàng 24k.

Biên nhận ngày 24/9/2019 bà vay của bà D 50.000.000 đồng, bà D đã sửa biên nhận thành 500.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 12/12/2019 âm lịch, bà chỉ vay của bà D 50.000.000 đồng, bà D đã sửa biên nhận thành 500.000.000 đồng.

Do bà D sửa biên nhận nâng khống số tiền bà nợ lên rất nhiều nên bà

không đồng ý trả nợ cho bà D. Từ đó rất nhiều lần bà D cho người đến nhà bà khủng bố và cho người ném chất bẩn vào nhà bà.

Sau đó con của bà A có thỏa thuận với bà D nếu đồng ý việc bà A chỉ nợ bà số tiền 250.000.000 đồng thì con bà A sẽ thay bà A trả nợ và bà D đồng ý. Ngày 04/7/2021, con của bà là Phan Tấn L đã vay tiền của bà N để trả hết cho bà D 250.000.000 đồng. Bà D đã trả lại cho bà 02 tờ biên nhận bản chính số nợ nói trên hiện nay bà đang giữ. Như vậy bà Kim A không còn nợ bà D bất cứ khoản tiền nào nữa.

Nay bà D khởi kiện cho rằng trong thời gian chỉ hơn 02 tháng (từ ngày 04/2/2021 đến 18/4/2021) bà D đã liên tục cho bà vay số tiền 2.115.000.000 đồng là vô lý và không có căn cứ.

Bà Kim A khẳng định không có vay và không nợ bà Danh số tiền 2.115.000.000 đồng. Bà Kim A cũng không tham gia dây hụi nào do bà D làm chủ và không nợ tiền hụi như đơn khởi kiện của bà D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 201/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp đã quyết định:

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A trả số tiền vay 115.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị D có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Danh S tiền nợ hụi 300.000.000đồng; số tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 780.000.000đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Kim A chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim A được miễn nộp tiền án phí theo quy định theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 22.370.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002645 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật và thi hành án.

Ngày 06/10/2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim A có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông D1 đại diện cho bà D trình bày: Bà D yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A trả cho bà D tổng số tiền là 2.300.000.000 đồng, gồm tiền vay 2.000.000.000 đồng và tiền hui 300.000.000 đồng, do bà D đã chót nợ với bà Kim A số tiền 2.300.000.000 đồng, yêu cầu bà Kim A trả tiền lãi đối với số tiền vay với lãi suất 0,75%/tháng tính từ tháng 5/2021 đến ngày xét xử, tính tròn 52 tháng, trên số tiền vay 2.000.000.000 đồng với số tiền là 780.000.000 đồng.

Bà D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 115.000.000 đồng, khi nào có đủ chứng cứ sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà T đại diện cho bà A trình bày: Bà Kim A chỉ nợ bà D 250.000.000 đồng có làm biên nhận vào năm 2019 và đã trả xong, bà Kim A không còn nợ lại bà Danh số tiền nào. Việc bà D cho rằng vì tin tưởng nên khi cho bà Kim A vay số tiền nhiều lần tổng cộng hơn 2.000.000.000 đồng mà không làm biên nhận; giao tiền hui mà không làm biên nhận là không hợp lý, bởi lẽ các lần vay vào năm 2019 với số tiền nhỏ chính bà D là người yêu cầu bà Kim A và con là chị Phan Thị Như Ý làm biên nhận ghi cụ thể về thông tin người vay, số tiền và yêu cầu chị Như Ý ký tên người bảo lãnh, ghi rõ thông tin số chứng minh nhân dân của bà Kim A và chị Như Ý, đến ngày 04/7/2021 bà Kim A mới trả được cho bà Danh số tiền này thì không thể nào bà D cho vay với số tiền lớn lại không yêu cầu làm biên nhận. Thời gian bà D xác định có đoạn ghi âm là thời gian bà Kim A đang trốn nợ nên không thể nghe điện thoại của bà D với thời gian dài như vậy, bà Kim A xác định giọng nói trong đoạn ghi âm không phải là của bà nhưng không yêu cầu giám định lại vì bà A đang bị bệnh và đang khó khăn, không có tiền để yêu cầu giám định. Bà Kim A xác định không có vay tiền của bà D 2.000.000.000 đồng và không có tham gia chơi hui do bà D làm chủ hui nên không nợ tiền hui 300.000.000 đồng, vì vậy bà Kim A không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà D. Các khoản vay có làm biên nhận đã được trả xong và không có liên quan đến khoản nợ mà bà D đang yêu cầu. Bà Kim A đã trả 250.000.000 đồng sau khi có cuộc ghi âm điện thoại, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là không có căn cứ. Nguyên đơn cho bà A vay 2.115.000.000 đồng nhưng tự ý rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 115.000.000 đồng, do xác định file ghi âm chỉ có 2.000.000.000 đồng là không phù hợp. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét đoạn ghi âm và giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D - Luật sư Nguyễn Thị Á trình bày và đề nghị: Bà D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A trả cho bà D tổng số tiền là 2.300.000.000 đồng, gồm tiền vay 2.000.000.000 đồng và tiền hui 300.000.000 đồng lý do bà D đã chót nợ với bà Kim A số tiền

2.300.000.000 đồng, yêu cầu bà Kim A trả tiền lãi đối với số tiền vay với lãi suất 0,75%/tháng tính từ tháng 5/2021 đến ngày xét xử, tính tròn 52 tháng, trên số tiền vay 2.000.000.000 đồng là có căn cứ, bởi lẽ bà D đã cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa bà D và bà Kim A, đã được giám định là giọng nói của bà Kim A. Mặc dù, bà Kim A không thừa nhận đó là giọng nói của mình nhưng không yêu cầu giám định lại. Theo nội dung đoạn ghi âm, bà D đã nhiều lần nhắc đến số tiền bà Kim A còn nợ lại bà D là 2.300.000.000 đồng, là khoản nợ không có biên nhận, bà Kim A không phản đối mà còn đưa ra phương án trả dần cụ thể lần đầu trả 300.000.000 đồng, sau đó mỗi năm trả 100.000.000 đồng và có đoạn hội thoại chốt lại số nợ khi bà D nói “*mà bây giờ em hỏi chị em có đưa chị 2,3 tỷ hôn*”, bà Kim A ngập ngừng... “*ờ*” là căn cứ để xác định bà Kim A có nợ bà D 2,3 tỷ đồng. Đối với tiền hui đã được Tòa án xác minh, lấy lời khai của người làm chứng, chứng minh có tồn tại dây hui và có người chứng kiến việc bà D giao tiền hui cho bà Kim A. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 201/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim A còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim A kháng cáo toàn bộ nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy:

Bà Nguyễn Thị D đã đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là đoạn ghi âm có nội dung trao đổi qua điện thoại di động vào các ngày 11 và 12/5/2021 được bà D xác định là giọng nói của bà và bà Kim A. Phía bà Kim A đã được nghe lại nội dung 02 file ghi âm này nhưng bà Kim A không thừa nhận là giọng nói của bà A. Nội dung ghi âm lại cuộc điện thoại các ngày 11 và 12/5/2021 đã được Phân viện khoa học hình sự - Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 2480/KL-KTHS ngày 17/5/2023 xác định giọng nói trong 02 file ghi âm do bà D cung cấp là của bà Kim A. Tại phiên tòa, bà T xác định giọng nói trong 02 file ghi âm do bà D cung cấp cho Tòa án không phải là của bà Kim A nhưng không có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại giọng nói trong 02 file ghi âm nên xác định bà Kim A từ chối nghĩa vụ chứng minh. Căn cứ khoản 5 Điều 94, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập theo quy định để giải quyết vụ án.

Theo nội dung ghi âm, bà D đã nhiều lần lặp đi lặp lại số tiền bà Kim A còn nợ 2.300.000.000 đồng, mặc dù bà Kim A không có lời thoại nào thể hiện bà Kim A thừa nhận cụ thể số nợ 2.300.000.000 đồng và có lời thoại cho rằng *“chị không có coi giấy, giờ đầu óc chị hông biết sao nữa, nói chung chị không nghĩ T2 ăn gian chị cái gì đâu, T2 đừng nghĩ tới đó”* *“đầu óc chị giờ lẫn lẫn, thì đó nó cũng còn đó hà...”* nhưng cũng có đoạn bà Kim A nói *“Để chị nói nghe nè, thằng T1 nó cho chị 300 triệu để chị trả cho T2, rồi chị với T2 mỗi năm chị trả T2 100 triệu không lời lãi gì hết”*; *“...nếu có thì trả thêm...”*, *“Thí dụ vậy mai mốt tao trúng số, tao mãn ăn được, tao trả mày còn hơn”*... và có đoạn khi bà D nói *“mà bây giờ em hỏi chị em có đưa chị 2,3 tỷ hôn”*, bà Kim A ngập ngừng... *“ờ”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền vay và hui được bà D nêu rõ và lặp lại nhiều lần là 2.300.000.000 đồng, số tiền này không thể gây nhầm lẫn và khác biệt rất lớn với số tiền 250.000.000 đồng mà bà Kim A cho rằng đây là số nợ duy nhất bà còn nợ lại bà D. Tuy nhiên, khi bà D nhắc lại nhiều lần số nợ 2.300.000.000 đồng thì bà Kim A không phản đối, không đính chính mà lại cho rằng *“chị không nghĩ T2 ăn gian chị cái gì đâu”* và hứa hẹn trả dần với phương thức trả lần đầu là 300.000.000 đồng, rồi sau đó mỗi năm trả 100.000.000 đồng. Bà A hứa trả dần 300.000.000 đồng cũng đã nhiều hơn số nợ mà bà Kim A thừa nhận là 250.000.000 đồng, khi bà D nói *“mà bây giờ em hỏi chị em có đưa chị 2,3 tỷ hôn”*, bà Kim A ngập ngừng... *“ờ”*. Nội dung đoạn ghi âm trên là căn cứ để xác định bà Kim A có nợ bà D 2.300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định số tiền 2.300.000.000 đồng hai bên trao đổi qua điện thoại có ghi âm là tiền nợ hui và tiền vay không có biên nhận. Bà T đại diện cho bà A không đồng ý nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh.

Ông D1 và bà T đều xác định số tiền đã trả 250.000.000 đồng theo biên nhận nợ sau khi có cuộc ghi âm điện thoại không có liên quan đến số tiền 2.300.000.000 đồng đang tranh chấp, bà A đã trả cho bà D xong, bà T không

yêu cầu trừ ra 250.000.000 đồng đã trả. Ông D1 không yêu cầu giải quyết đối với số tiền đã trả 250.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Việc trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về số tiền 2.300.000.000 đồng bà D điện thoại chốt nợ với bà Kim A vào ngày 11 và 12/5/2021 là tiền nợ bà Kim A không có viết biên nhận, trong đó số nợ vay là 2.000.000.000 đồng và tiền hui là 300.000.000 đồng. Là tình tiết không phải chứng minh phù hợp theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu tính lãi trên số tiền vay 2.000.000.000 đồng tính từ ngày chốt số nợ theo nội dung ghi âm là 11/5/2021 đến ngày xét xử được nguyên đơn tính tròn là 52 tháng với lãi suất 0,75%/tháng của bà D là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi phải trả là: $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 52 \text{ tháng} = 780.000.000 \text{ đồng}$.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 115.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2025/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp, bằng hình thức “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, cụ thể là phong tỏa diện tích đất 1.494,6m² nằm trong thửa đất 151, tờ bản đồ số 15, diện tích là 4.483,9m², tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng H02755, do UBND huyện C cấp ngày 19/02/2008 cho hộ ông Phan Viết L1 và phong tỏa diện tích đất 726,63m² nằm trong thửa đất số 1313, tờ bản đồ số 3, diện tích là 2.179,9m², tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU189549, số vào sổ cấp GCN: CH01565 do UBND thị xã C cấp ngày 29/10/2014 cho hộ ông Phan Viết L1 (bà Nguyễn Thị Kim A là thành viên trong hộ của ông Phan Viết L1) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[5] Bà A kháng cáo nhưng bà A không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét việc trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà A là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Bà Nguyễn Thị D thống nhất bản án sơ thẩm, không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ các căn cứ, nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy án sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Xét việc đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[10] Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[11] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Danh S tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí phúc thẩm. Do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 26, 38, 91, 92, 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A trả số tiền vay 115.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị D có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ hui là 300.000.000 đồng, số tiền nợ vay là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 780.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2025/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp, bằng hình thức “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, cụ thể là phong tỏa diện tích đất 1.494,6m² nằm trong thửa đất 151, tờ bản đồ số 15, diện tích là 4.483,9m², tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

H02755, do UBND huyện C cấp ngày 19/02/2008 cho hộ ông Phan Viết L1 và phong tỏa diện tích đất 726,63m² nằm trong thửa đất số 1313, tờ bản đồ số 3, diện tích là 2.179,9m², tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU189549, số vào sổ cấp GCN: CH01565 do UBND thị xã C cấp ngày 29/10/2014 cho hộ ông Phan Viết L1 (bà Nguyễn Thị Kim A là thành viên trong hộ của ông Phan Viết L1) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.370.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002645 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đồng Tháp)

Bà Nguyễn Thị Kim A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí phúc thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GD, KT, TT-THA Tòa án Tỉnh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tôn